TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2021/HNGĐ - ST.
Ngày: 12/7/2021.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Bà Nguyễn Thị Lan.
Chức vụ: Nguyên Chủ tịch hội phụ nữ huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2/. Ông Lý Viết Chấn.
Chức vụ: Cán bộ y tế thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Bình.
Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*
Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 12/7/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021. Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2021. Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị T. Sinh năm: 1996
Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn**: Ông Trần Ngọc L. Sinh năm: 1989
Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà T và ông L đều vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, tại bản tự khai ngày 07/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với ông Trần Ngọc L trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/7/2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 73.

Sau khi về chung sống với nhau thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau khi tôi sinh con chung được 01 tháng tuổi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng nên đến tháng 10/2020 thì tôi bồng theo con nhỏ về nhà về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân từ đó cho đến nay ai biết bổn phận người nấy, không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy trong quá trình hòa giải và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà T có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông Trần Ngọc L.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận, trong quá trình chung sống bà và ông L có 01 (Một) con chung, cháu tên là Trần Ngọc Giang Đ, sinh ngày 19/5/2020, hiện nay cháu Đ đang ở với bà T.

Bà Nguyễn Thị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Giang Đ, sinh ngày 19/5/2020 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và yêu cầu ông Trần Ngọc L phải phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Ngọc Giang Đ đủ 18 tuổi.

Về điều kiện nuôi con: Bà T đang làm nghề Trang điểm cô dâu, mức thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/1 tháng, do vậy bà T hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Tại bản tự khai và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 29/6/2021, bị đơn ông Trần Ngọc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị T vào năm 2019, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/7/2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 73. Trong quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì đến khoảng tháng 10/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, bất đồng quan điểm sống với nhau nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Bà T đã bồng theo con nhỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 10/2020 cho đến nay.

Nay bà T làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với tôi, thì thực tế tôi vẫn còn tình cảm với bà T, tuy nhiên nếu bà T cương quyết xin ly hôn đối với tôi thì tôi cũng đồng ý xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Ông Trần Ngọc L xác nhận, trong quá trình chung sống ông L và bà T có 01 (Một) con chung, cháu tên là Trần Ngọc Giang Đ, sinh ngày 19/5/2020, hiện nay cháu Đ đang ở với bà T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn với ông L thì ông L đồng ý giao cháu Đ cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi

dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Ông L đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Trần Ngọc L không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc L quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào đầu năm 2019, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/7/2019. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông Trần Ngọc L, ông L vẫn còn tình cảm với bà T, tuy nhiên nếu bà T cương quyết xin ly hôn với ông L thì ông L cũng đồng ý xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Xét thấy tình cảm vợ chồng bà T và ông L không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Ngọc L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc L có 01 (Một) con chung, cháu tên là Trần Ngọc Giang Đ, sinh ngày 19/5/2020. Bà T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, ông L đồng ý giao cháu Đ cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Trần Ngọc Giang Đ, sinh ngày 19/5/2020 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ông Trần Ngọc L phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Ngọc Giang Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Ngọc Giang Đ đủ 18 tuổi.

Ông Trần Ngọc L được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc L không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đề ngày 04/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Trần Ngọc L. Tuy nhiên, bà T và ông L đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bị đơn ông Trần Ngọc L.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc L quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào năm 2019, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/7/2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 73. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến tháng 10/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau nên thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau. Bà T đã bồng theo cháu Trần Ngọc Giang Đ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vì vậy vợ chồng bà T, ông L đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm của vợ chồng bà T, ông L không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Ngọc L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T, ông L có 01 (Một) con chung, cháu tên là Trần Ngọc Giang Đ, sinh ngày 19/5/2020.

Bà T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến

khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ông L đồng ý giao cháu Đ cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Trần Ngọc Giang Đ, sinh ngày 19/5/2020 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi là hoàn toàn thoả đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Buộc ông Trần Ngọc L phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Ngọc Giang Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Ngọc Giang Đ đủ 18 tuổi.

Ông Trần Ngọc L được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, ông Trần Ngọc L phải chịu tiền án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Ngọc L.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Giang Đ, sinh ngày 19/5/2020 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Buộc ông Trần Ngọc L phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Ngọc Giang Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Ngọc Giang Đ đủ 18 tuổi.

Ông Trần Ngọc L được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc L tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] **Về án phí**: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0017838, ngày 04/3/2021.

Buộc ông Trần Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Trần Ngọc L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Hồng Trường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện Krông Pắc.
- Lưu hồ sơ vụ án.